

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		24,120,624,403	9,208,967,088
I. Tiền và tương đương tiền	110		172,038,782	115,732,429
1. Tiền	111	V.01	172,038,782	115,732,429
2. Tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	17,885,979,946	8,577,340,652
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		20,864,689,946	10,699,075,369
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2,978,710,000)	(2,121,734,717)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3,554,353,223	99,990,480
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	100,000,000	55,000,000
2. Trả trước cho người bán	132		23,100,000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.04	2,729,755,455	26,990,480
5. Các khoản phải thu khác	135	V.05	701,497,768	18,000,000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,508,252,452	415,903,527
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	99,953,130	99,810,945
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	315,092,582	315,092,582
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	2,093,206,740	1,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		136,472,453	135,529,595
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	-	-
- Nguyên giá	222		78,681,200	78,681,200
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(78,681,200)	(78,681,200)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
- Nguyên giá	228		99,000,000	99,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(99,000,000)	(99,000,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-



3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		136,472,453	135,529,595
1. Chi phí trả trước	261	V.06b	4,242,855	3,299,997
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263	V.07b	132,229,598	132,229,598
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24,257,096,856	9,344,496,683

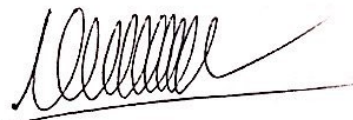
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		470,557,176	203,208,024
I. Nợ ngắn hạn	310		439,297,557	171,948,405
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		150,000,000	-
3. Người mua trả tiền trước	313		38,500,000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	91,178,668	47,002,541
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		12,355,781	1,220,000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	40,601,975	34,444,686
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		10,194,294	10,194,294
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		96,466,839	79,086,884
II. Nợ dài hạn	330		31,259,619	31,259,619
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		31,259,619	31,259,619
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12	23,786,539,680	9,141,288,659
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1,213,460,320)	(15,858,711,341)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24,257,096,856	9,344,496,683

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Mã số	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định thuê ngoài		001	-	-

2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược		003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.13	004	14,183,619,830	14,183,619,830
5. Ngoại tệ các loại		005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	V.14	006	23,897,080,000	3,231,330,000
6.1. Chứng khoán giao dịch		007	23,897,080,000	3,231,330,000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		008	-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố		009	-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ		010	-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		011	-	-
6.6. Chứng khoán phong toả chờ rút		012	-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		013	-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		014	-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		015	-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		020	-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác	V.15	030	1,268,815,326	983,894,836
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác trong nước		031	343,950,203	162,366,508
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài		032	924,865,123	821,528,328
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác	V.16	040	542,541,736,683	19,248,380,422
9.1. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước		041	538,997,989,918	14,275,761,317
9.2. Nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài		042	3,543,746,765	4,972,619,105
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư uỷ thác		050	3,196,132,839	91,049,484
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư uỷ thác		051	59,554,766	26,990,480

Phụ trách Kế toán



NGUYỄN THỊ THỦY TRANG

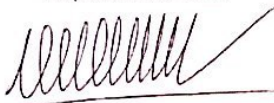


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng VN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01	VI.1	6,886,518,909	257,090,039
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01- 02)	10		6,886,518,909	257,090,039
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2	3,488,998,052	1,085,343,725
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	20		3,397,520,857	(828,253,686)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16,072,196,845	1,015,422,888
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3,016,315,159	1,210,289,638
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1,778,293,510	946,341,885
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		14,675,109,033	(1,969,462,321)
10. Thu nhập khác	31	VI.6		2,296,750
11. Chi phí khác	32	VI.7	29,858,012	72,122,728
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(29,858,012)	(69,825,978)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14,645,251,021	(2,039,288,299)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		14,645,251,021	(2,039,288,299)
17. Lãi trên cổ phiếu	70	VI.8	5,858	(816)

Phụ trách Kế toán


 NGUYỄN THỊ THỦY TRANG



ngày 03 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc


 CAO HOÀI THANH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Phương pháp trực tiếp)
 Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
A	B	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	49,247,199,984	1,596,344,704
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(42,337,712,136)	(5,116,892,968)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2,487,563,053)	(1,057,920,831)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(14,168,767)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2,106,970,867	8,491,735
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(6,597,387,542)	(1,031,297,344)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(82,660,647)	(5,601,274,704)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	5,352,637,680
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	138,967,000	335,616,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	138,967,000	5,688,253,680
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn cho các CSH, mua lại CP của CTY đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	2,280,000,000	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2,280,000,000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	56,306,353	86,978,976
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	115,732,429	28,753,453
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	172,038,782	115,732,429

Phụ trách Kế toán



NGUYỄN THỊ THỦY TRANG



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm		Số dư cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước	Kỳ này		Năm nay	Năm trước
			Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25,000,000,000	25,000,000,000	-	-	25,000,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(15,858,711,341)	(13,819,423,042)	14,645,251,021	-	(1,213,460,320)	(15,858,711,341)
Cộng	9,141,288,659	11,180,576,958	14,645,251,021	-	23,786,539,680	9,141,288,659

Người lập biểu

Nguyễn Hương Giang

Nguyễn Hương Giang

Phụ trách Kế toán

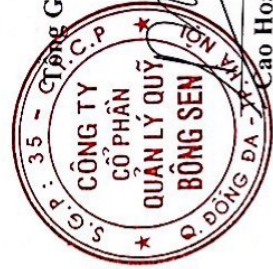
Nguyễn Thị Thủy Trang

Nguyễn Thị Thủy Trang

Lập, ngày 11 tháng 03 năm 2020

Giám đốc

Cao Hoài Thanh



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 19 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 14 nhân viên).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày kết thúc năm tài chính là 8 nhân viên (số đầu năm là 8 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi riêng và trình bày ở tài khoản ngoại bảng Cân đối kế toán.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty và người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại, bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu các hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí thuê văn phòng, internet và chi phí bảo trì phần mềm, là các khoản tiền thuê trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

13. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

14. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.523.960	6.727.484
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	163.514.822	109.004.945
Cộng	<u>172.038.782</u>	<u>115.732.429</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có chứng khoán kinh doanh. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết	2.389.708	19.864.689.946	18.760.116.400	(1.978.710.000)	310.993	9.334.059.056	14.210.570.900	(1.072.358.404)
Công ty Cổ phần Vinam	460.000	6.533.370.000	5.382.000.000	(1.151.370.000)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh được và trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	429.700	9.653.979.309	10.527.650.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền	1.500.000	3.677.340.000	2.850.000.000	(827.340.000)	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	-	91.849	2.735.129.209	1.832.387.550	(902.741.659)
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	-	-	-	-	22.500	2.171.835.000	2.097.000.000	(74.835.000)
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Thành	-	-	-	-	9.229	477.657.954	383.003.500	(94.654.454)
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	-	-	-	2	42.615	13.200	(29.415)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	-	-	-	-	4	110.876	13.000	(97.876)
Công ty Cổ phần FPT	8	637	466.400	-	-	-	-	-
Các cổ phiếu niêm yết khác	-	-	-	-	187.409	3.949.283.402	9.898.153.650	-
Cổ phiếu đang kỳ giao dịch (Upcom)	-	-	-	-	12.140	365.016.313	315.640.000	(49.376.313)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời	-	-	-	-	12.140	365.016.313	315.640.000	(49.376.313)
Cổ phiếu chưa niêm yết (OTC)	50.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	50.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị Tổng hợp máy văn phòng Sara (*)	50.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	50.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Cộng	2.439.708	20.864.689.946	18.760.116.400	(2.978.710.000)	373.133	10.699.075.369	14.526.210.900	(2.121.734.717)

(*) Công ty Cổ phần Thiết bị Tổng hợp máy văn phòng Sara đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế ngày 26 tháng 4 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.121.734.717	1.083.437.285
Trích lập dự phòng bổ sung	3.012.297.861	1.050.161.383
Số hoàn nhập dự phòng	(2.155.322.578)	(11.863.951)
Số cuối năm	2.978.710.000	2.121.734.717

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	-	55.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam	-	55.000.000
Phải thu tổ chức khác	100.000.000	-
Công ty Cổ phần OTC Việt Nam	100.000.000	-
Cộng	100.000.000	55.000.000

4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	540.000	-
Bà Tống Thị Huệ	540.000	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	2.729.215.455	26.990.480
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	2.615.649.766	26.990.480
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ	625.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Phú Thọ	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	415.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	335.000.000	-
Phải thu các tổ chức cá nhân khác	790.649.766	26.990.480
Phải thu phí thường hoạt động	113.565.689	-
Cộng	2.729.755.455	26.990.480

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức và lợi nhuận được chia	700.000.000	18.000.000
Các khoản phải thu khác	1.497.768	-
Cộng	701.497.768	18.000.000

6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	94.796.130	95.325.945
Chi phí bảo trì phần mềm	5.157.000	4.485.000
Cộng	99.953.130	99.810.945

6b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí internet còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác

7a. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>1.958.606.740</u>	-
Ông Cao Hoài Thanh - Tạm ứng	1.914.756.740	-
Ông Cao Minh Thắng - Tạm ứng	43.850.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>134.600.000</u>	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134.600.000	1.000.000
Cộng	<u>2.093.206.740</u>	<u>1.000.000</u>

7b. Tài sản dài hạn khác

Là khoản đặt cọc tiền thuê văn phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Là thiết bị, dụng cụ quản lý đã khấu hao hết.

9. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm đã khấu hao hết.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	5.000.000	-	75.000.000	(80.000.000)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	315.092.582	-	-	-	315.092.582
Thuế thu nhập cá nhân	42.002.541	-	231.621.675	(182.445.548)	91.178.668	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	29.858.012	(29.858.012)	-	-
Cộng	<u>47.002.541</u>	<u>315.092.582</u>	<u>339.479.687</u>	<u>(295.303.560)</u>	<u>91.178.668</u>	<u>315.092.582</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.645.251.021	(2.039.288.299)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	101.858.012	126.817.728
- Các khoản điều chỉnh tăng	101.858.012	126.817.728
Thu nhập chịu thuế	14.747.109.033	(1.912.470.571)
Lỗi các năm trước được chuyển	(14.747.109.033)	-
Thu nhập tính thuế	-	(1.912.470.571)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	40.601.975	30.681.022
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.763.664
Cộng	<u>40.601.975</u>	<u>34.444.686</u>

12. Vốn chủ sở hữu

12a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	(13.819.423.042)	11.180.576.958
Lợi nhuận trong năm trước	-	(2.039.288.299)	(2.039.288.299)
Số dư cuối năm trước	<u>25.000.000.000</u>	<u>(15.858.711.341)</u>	<u>9.141.288.659</u>
Số dư đầu năm nay	25.000.000.000	(15.858.711.341)	9.141.288.659
Lợi nhuận trong năm nay	-	14.645.251.021	14.645.251.021
Số dư cuối năm nay	<u>25.000.000.000</u>	<u>(1.213.460.320)</u>	<u>23.786.539.680</u>

12b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

13. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản đặt cọc môi giới mua trái phiếu với Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam, số tiền 14.183.619.830 VND đã được xóa sổ theo quyết định số 01/17/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng quản trị do không có khả năng thu hồi, đã được đưa ra ngoại bảng theo dõi và công ty vẫn tiếp tục nỗ lực để thu hồi công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán giao dịch	23.897.080.000	3.231.330.000
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>23.897.080.000</i>	<i>3.109.930.000</i>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	4.297.000.000	-
Công ty Cổ phần Vinam	4.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần FPT	80.000	327.580.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	-	346.660.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	918.490.000
Công ty Cổ phần Vicostone	-	258.620.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	666.540.000
Các cổ phiếu niêm yết khác	-	592.040.000
<i>Cổ phiếu đăng ký giao dịch (Upcom)</i>	<i>-</i>	<i>121.400.000</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời	-	121.400.000
	<u>23.897.080.000</u>	<u>3.231.330.000</u>

15. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	983.894.836	796.348.630
Tăng trong năm	541.446.483.368	35.138.724.099
Giảm trong năm	(541.161.562.878)	(34.951.177.893)
Số cuối năm	<u>1.268.815.326</u>	<u>983.894.836</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Nhà đầu tư ủy thác trong nước^(*)</i>	52.853.860	538.997.989.918	903.232	14.275.761.317
Cổ phiếu niêm yết	1.753.860	27.997.989.918	903.232	14.275.761.317
<i>Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	559.625	11.327.844.513	177.158	8.901.210.226
MWG	-	-	4.960	453.216.937
PNJ	15.340	1.368.288.195	14.940	1.699.103.506
RAL	3.500	477.893.880	4.100	559.717.200
VPB	79.974	2.559.814.942	85.094	2.702.684.974
CVN	410.000	4.864.708.050	-	-
HPG	31.667	1.058.810.846	24.400	1.060.605.362
Các cổ phiếu niêm yết khác	19.144	998.328.600	43.664	2.425.882.247
Cổ phiếu không niêm yết	51.100.000	511.000.000.000	201.299	4.922.619.105
Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Sara	21.800.000	218.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	9.000.000	90.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư LOU	8.300.000	83.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ	6.700.000	67.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sara Vũng Tàu	2.500.000	25.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	2.800.000	28.000.000.000	-	-
<i>Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</i>	175.457	3.543.746.765	203.799	4.972.619.105
Cổ phiếu niêm yết	172.957	3.493.746.765	201.299	4.922.619.105
<i>Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	16.180	991.411.168	32.398	1.987.014.839
CTD	-	-	3.500	822.241.200
NCT	2.150	239.141.748	2.630	292.531.533
VGG	5.700	367.811.606	4.700	296.592.000
MPC	6.000	275.349.600	-	-
Các cổ phiếu niêm yết khác	2.330	109.108.214	21.568	575.650.106
Cổ phiếu không niêm yết	2.500	50.000.000	2.500	50.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VISE)	2.500	50.000.000	2.500	50.000.000
Cộng	53.029.317	542.541.736.683	1.107.031	19.248.380.422

(*) Trong đó, số tiền ủy thác đầu tư 511 tỷ đồng là các giao dịch ủy thác đều được khách hàng ủy thác bằng văn bản chỉ định đích danh loại cổ phần chưa niêm yết cần mua và ủy quyền cho Công ty “tìm kiếm và ký hợp đồng mua bán”, đồng thời đứng tên chủ sở hữu tài sản thay cho khách hàng. Các hợp đồng ủy thác (giữa khách hàng với Công ty), hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức chuyển nhượng), giao dịch nhận tiền ủy thác và chuyển tiền thanh toán diễn ra trong tháng 12/2019. Do đây là hợp đồng ủy thác theo chỉ định nên tại thời điểm ký kết hợp đồng ủy thác, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính, thông tin tài chính về các cổ phiếu là đối tượng được ủy thác đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu từ phí quản lý	2.752.953.220	132.599.512
Doanh thu từ phí thường	113.565.689	74.490.527
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.020.000.000	50.000.000
Cộng	<u>6.886.518.909</u>	<u>257.090.039</u>

2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	2.058.224.159	727.285.402
Chi phí thuê văn phòng	-	316.154.365
Chi phí bằng tiền khác	1.430.773.893	41.903.958
Cộng	<u>3.488.998.052</u>	<u>1.085.343.725</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.670.490	17.075.838
Lãi đầu tư tài chính	15.259.549.015	654.983.050
Cổ tức, lợi nhuận được chia	810.977.340	343.364.000
Cộng	<u>16.072.196.845</u>	<u>1.015.422.888</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	14.168.767	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.100.353.773	168.839.498
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	856.975.283	1.038.297.432
Chi phí tài chính khác	44.817.336	3.152.708
Cộng	<u>3.016.315.159</u>	<u>1.210.289.638</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	866.888.232	555.576.608
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.895.500	13.925.952
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	741.115.400	328.337.731
Chi phí bằng tiền khác	136.394.378	45.501.594
Cộng	<u>1.778.293.510</u>	<u>946.341.885</u>

6. Chi phí khác

Là tiền phạt chậm nộp thuế và vi phạm hành chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.645.251.021	(2.039.288.299)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.645.251.021	(2.039.288.299)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.858</u>	<u>(816)</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	21.432.952
Chi phí nhân công	2.925.612.391	1.282.862.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	793.010.900	665.232.057
Chi phí khác	1.548.668.271	62.158.591
Cộng	<u>5.267.291.562</u>	<u>2.031.685.610</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Cao Hoài Thanh - Tạm ứng	2.798.553.708	-
Thành viên Ban điều hành		
Ông Cao Minh Thắng - Tạm ứng	1.718.195.560	-
Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Bà Tổng Thị Huệ - thuế TNCN nộp hộ	120.000	-
Bà Tổng Thị Huệ - phải thu phí quản lý	420.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.4.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và thưởng	925.502.362	333.924.017
Thù lao Hội đồng quản trị	153.000.000	-
Cộng	<u>1.078.502.362</u>	<u>333.924.017</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Năng lượng Việt Nam	Ông Cao Hoài Thanh là cổ đông
Công ty Cổ phần Vinam	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Năng lượng Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn	1.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn	2.300.000.000	-

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Công ty là cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư và dịch vụ tư vấn. Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.038.782	-	172.038.782
Chứng khoán kinh doanh	9.653.979.946	11.210.710.000	20.864.689.946
Phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ	2.829.755.455	-	2.829.755.455
Các khoản phải thu khác	2.794.704.508	-	2.794.204.508
Cộng	15.449.978.691	11.210.710.000	26.660.688.691
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.732.429	-	115.732.429
Chứng khoán kinh doanh	3.949.283.402	6.749.791.967	10.699.075.369
Phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ	81.990.480	-	81.990.480
Các khoản phải thu khác	18.000.000	-	18.000.000
Cộng	4.165.006.311	6.749.791.967	10.914.798.278

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	150.000.000	-	-	150.000.000
Chi phí phải trả	12.355.781	-	-	12.355.781
Các khoản phải trả khác	40.601.975	-	-	40.601.975
Cộng	202.957.756			202.957.756
Số đầu năm				
Chi phí phải trả	1.220.000	-	-	1.220.000
Các khoản phải trả khác	34.444.686	-	-	34.444.686
Cộng	35.664.686			35.664.686

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2019.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

4a. Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.038.782	-	115.732.429	-
Chứng khoán kinh doanh	20.864.689.946	(2.978.710.000)	10.699.075.369	(2.121.734.717)
Phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ	2.829.755.455	-	81.990.480	-
Các khoản phải thu khác	2.794.704.508	-	18.000.000	-
Cộng	26.661.188.691	(2.978.710.000)	10.914.798.278	(2.121.734.717)

4b. Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	150.000.000	-
Chi phí phải trả	12.355.781	1.220.000
Các khoản phải trả khác	40.601.975	34.444.686
Cộng	202.957.756	35.664.686

4c. Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 11 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Hương Giang

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thùy Trang



Tổng Giám đốc

Cao Hoài Thanh